

**DANH MỤC KỸ THẬT DÙNG CHUNG TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH VÀ THANH TOÁN BẢO HIỂM Y TẾ ÁP DỤNG
TẠI TRUNG TÂM Y TẾ VÀ TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 197 / QĐ-SYT, ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Sở Y tế Lai Châu)

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC						
1	1.2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường			X	
2	1.28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ	X			
3	1.32	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu			X	
4	1.45	Dùng thuốc chống đông			X	
5	1.5	Làm test phục hồi máu mao mạch			X	X
6	1.51	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ			X	X
7	1.52	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn			X	X
8	1.53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu			X	X
9	1.54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)			X	X
10	1.55	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)			X	
11	1.56	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)			X	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
12	1.57	Thở oxy qua gọng kính (<8 giờ)			x	x
13	1.58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (£ 8 giờ)			x	x
14	1.59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (<8 giờ)			x	x
15	1.60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (£ 8 giờ)			x	x
16	1.61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (<8 giờ)			x	x
17	1.62	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ			x	x
18	1.63	Thở oxy qua mặt nạ venturi (< 8 giờ)			x	
19	1.64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em			x	x
20	1.65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ			x	x
21	1.66	Đặt ống nội khí quản			x	
22	1.75	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)			x	
23	1.76	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)			x	
24	1.77	Thay ống nội khí quản			x	
25	1.78	Rút ống nội khí quản			x	
26	1.79	Rút canuyn khí quản			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
27	1.85	Vận động trị liệu hô hấp			x	
28	1.81	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter			x	x
29	1.86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)			x	x
30	1.87	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)			x	
31	1.157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn			x	x
32	1.158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản			x	x
33	1.160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang			x	x
34	1.164	Thông bàng quang			x	x
35	1.165	Rửa bàng quang lấy máu cục			x	
36	1.211	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ			x	x
37	1.215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa			x	x
38	1.216	Đặt ống thông dạ dày			x	x
39	1.218	Rửa dạ dày cấp cứu			x	x
40	1.219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín			x	x
41	1.220	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
42	1.221	Thụt tháo			X	X
43	1.222	Thụt giữ			X	X
44	1.223	Đặt ống thông hậu môn			X	X
45	1.224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)			X	X
46	1.225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)			X	X
47	1.228	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)			X	X
48	1.229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ			X	X
49	1.239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu			X	
50	1.245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử			X	
51	1.246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ			X	X
52	1.247	Hạ thân nhiệt chỉ huy			X	
53	1.248	Nâng thân nhiệt chỉ huy			X	
54	1.251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)			X	X
55	1.252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ			X	X
56	1.253	Lấy máu tĩnh mạch bẹn			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
57	1.259	Rửa mắt tẩy độc			x	
58	1.260	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)			x	
59	1.261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)			x	x
60	1.262	Gội đầu cho người bệnh tại giường			x	x
61	1.263	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh			x	x
62	1.264	Tắm cho người bệnh tại giường			x	x
63	1.265	Tắm tẩy độc cho người bệnh			x	x
64	1.266	Xoa bóp phòng chống loét			x	x
65	1.267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)			x	
66	1.269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn			x	x
67	1.270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu			x	x
68	1.272	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ			x	
69	1.274	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp			x	
70	1.275	Băng bó vết thương			x	x
71	1.276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
72	1.277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng			x	x
73	1.278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu			x	x
74	1.279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng			x	
75	1.280	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy			x	
76	1.281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)			x	x
77	1.282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm			x	
78	1.283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm			x	
79	1.284	Định nhóm máu tại gi-ường			x	x
80	1.285	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường			x	x
81	1,334	Chăm sóc ống thông bàng quang			x	x
82	1.303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh			x	
II. NỘI KHOA						
83	2.1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ			x	x
84	2.24	Đo chức năng hô hấp			x	x
85	2.28	Kỹ thuật ho có điều khiển			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
86	2.29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành			X	X
87	2.30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương			X	
88	2.31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế			X	X
89	2.32	Khí dung thuốc giãn phế quản			X	X
90	2.33	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm			X	
91	2.4	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)			X	X
92	2.61	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe			X	
93	2.67	Thay canuyn mở khí quản			X	X
94	2.68	Vận động trị liệu hô hấp			X	X
95	2.85	Điện tim thường			X	X
96	2.128	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)			X	X
97	2.149	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường			X	
98	2.150	Hút đờm hầu họng			X	X
99	2.163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN			X	
100	2.164	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường			X	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
101	2.165	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường			x	
102	2.166	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)			x	
103	2.188	Đặt sonde bàng quang			x	
104	2.195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ			x	
105	2.232	Rửa bàng quang lấy máu cục			x	
106	2.233	Rửa bàng quang			x	
107	2.241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)			x	x
108	2.244	Đặt ống thông dạ dày			x	x
109	2.247	Đặt ống thông hậu môn			x	x
110	2.253	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng cấp cứu			x	
111	2.313	Rửa dạ dày cấp cứu			x	x
112	2.314	Siêu âm ổ bụng			x	x
113	2.337	Thụt thuốc qua đường hậu môn			x	x
114	2.338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng			x	x
115	2.339	Thụt tháo phân			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
116	2.364	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm		x		
117	2.641.	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình hít định liều			x	
118	2.642.	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều			x	
III. NHI KHOA						
119	3.41	Siêu âm tim cấp cứu tại giường			x	
120	3.44	Ghi điện tim cấp cứu tại giường			x	
121	3.46	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường			x	
122	3.47	Theo dõi điện tim liên tục tại giường			x	
123	3.51	Ép tim ngoài lồng ngực			x	x
124	3.58	Thở máy bằng xâm nhập		x		
125	3.77	Đặt ống nội khí quản			x	
126	3.89	Khí dung thuốc cấp cứu			x	
127	3.90	Khí dung thuốc thở máy			x	
128	3.105	Thổi ngạt			x	x
129	3.106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
130	3.107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)			x	x
131	3.108	Thở oxy gọng kính			x	x
132	3.109	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi			x	x
133	3.110	Thở oxy qua mặt nạ có túi			x	x
134	3.111	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)			x	x
135	3.112	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn			x	x
136	3.113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp			x	x
137	3.133	Thông tiểu			x	x
138	3.134	Hồi sức chống sốc			x	x
139	3.137	Xử trí tăng áp lực nội sọ			x	
140	3.149	Điều trị co giật liên tục (điều trị trạng thái động kinh)			x	
141	3.150	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường			x	x
142	3.151	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu			x	
143	3.152	Soi đáy mắt cấp cứu			x	
144	3.167	Đặt ống thông dạ dày			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
145	3.168	Rửa dạ dày cấp cứu			x	
146	3.169	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín			x	
147	3.171	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu			x	
148	3.172	Cho ăn qua ống thông dạ dày			x	
149	3.174	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường tĩnh mạch trung tâm				
150	3.178	Đặt sonde hậu môn			x	x
151	3.179	Thụt tháo phân			x	x
152	3.180	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên			x	x
153	3.186	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh				
154	3.188	Siêu âm đen trắng tại giường bệnh			x	
155	3.191	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường			x	
156	3.192	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng			x	
157	3.194	Tắm cho người bệnh tại giường			x	x
158	3.195	Tắm tẩy độc cho người bệnh			x	x
159	3.196	Gội đầu cho người bệnh tại giường			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
160	3.197	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh			X	X
161	3.198	Vệ sinh răng miệng đặc biệt			X	X
162	3.199	Xoa bóp phòng chống loét			X	X
163	3.200	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng			X	X
164	3.201	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương			X	X
165	3.202	Băng bó vết thương			X	X
166	3.203	Cầm máu (vết thương chảy máu)			X	X
167	3.204	Vận chuyển người bệnh an toàn			X	X
168	3.205	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy			X	X
169	3.207	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê			X	X
170	3.208	Lấy máu tĩnh mạch bẹn			X	X
171	3.210	Tiêm truyền thuốc			X	X
172	2.233	Rửa bàng quang			X	
173	3.259	Xử trí người bệnh không ăn			X	
174	3.260	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần			X	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
175	3.264	Tư vấn tâm lí cho người bệnh và gia đình			x	
176	3.267	Liệu pháp lao động			x	x
177	3.268	Cấp cứu người bệnh tự sát			x	x
178	3.269	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần			x	x
179	3.270	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu			x	x
180	3.282	Xông hơi thuốc			x	x
181	3.283	Xông khói thuốc			x	x
182	3.284	Sắc thuốc thang			x	x
183	3.285	Ngâm thuốc YHCT bộ phận			x	x
184	3.286	Đặt thuốc YHCT			x	x
185	3.287	Bỏ thuốc			x	x
186	3.288	Chườm ngải			x	x
187	3.289	Hào châm			x	x
188	3.290	Nhĩ châm			x	x
189	3.291	Ôn châm			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
190	3.292	Chích lễ			x	x
191	3.293	Luyện tập dưỡng sinh			x	x
192	3.332	Điện mãng châm điều trị đau mỗi cơ			x	
193	3.334	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy			x	
194	3.404	Cấy chỉ điều trị di chứng bại liệt			x	
195	3.405	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên			x	
196	3.406	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới			x	
197	3.407	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người			x	
198	3.408	Cấy chỉ điều trị liệt do bệnh của cơ			x	
199	3.409	Cấy chỉ châm điều trị liệt các dây thần kinh			x	
200	3.410	Cấy chỉ điều trị teo cơ			x	
201	3.411	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh tọa			x	
202	3.412	Cấy chỉ điều trị bại não			x	
203	3.413	Cấy chỉ điều trị bệnh tự kỷ			x	
204	3.414	Cấy chỉ điều trị chứng ù tai			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
205	3.415	Cây chỉ điều trị giảm khứu giác			x	
206	3.416	Cây chỉ điều trị chứng nói ngọng, nói lắp			x	
207	3.417	Cây chỉ điều trị khàn tiếng			x	
208	3.420	Cây chỉ điều trị bệnh tâm căn suy nhược			x	
209	3.421	Cây chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp			x	
210	3.422	Cây chỉ điều trị động kinh			x	
211	3.423	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu			x	
212	3.424	Cây chỉ điều trị mất ngủ			x	
213	3.426	Cây chỉ điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh			x	
214	3.427	Cây chỉ điều trị tổn thương dây thần kinh V			x	
215	3.428	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên			x	
216	3.430	Cây chỉ điều trị rối loạn tiền đình			x	
217	3.431	Cây chỉ điều trị giảm thính lực			x	
218	3.432	Cây chỉ điều trị thất ngôn			x	
219	3.433	Cây chỉ điều trị viêm xoang			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
220	3.434	Cây chỉ điều trị viêm mũi dị ứng			x	
221	3.435	Cây chỉ điều trị hen phế quản			x	
222	3.436	Cây chỉ điều trị huyết áp thấp			x	
223	3.437	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn			x	
224	3.438	Cây chỉ điều trị đau ngực, sườn			x	
225	3.440	Cây chỉ điều trị sa dạ dày			x	
226	3.441	Cây chỉ điều trị đau dạ dày			x	
227	3.442	Cây chỉ điều trị nôn, nấc			x	
228	3.444	Cây chỉ điều trị viêm khớp dạng thấp			x	
229	3.445	Cây chỉ điều trị thoái hóa khớp			x	
230	3.446	Cây chỉ điều trị đau lưng			x	
231	3.447	Cây chỉ điều trị đau mỏi cơ			x	
232	3.448	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai			x	
233	3.449	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy			x	
234	3.450	Cây chỉ điều trị viêm cơ cứng cơ delta			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
235	3.451	Cây chỉ điều trị đại, tiểu tiện không tự chủ			x	
236	3.452	Cây chỉ điều trị táo bón			x	
237	3.453	Cây chỉ điều trị đái dầm			x	
238	3.454	Cây chỉ điều trị bí đái			x	
239	3.455	Cây chỉ điều trị rối loạn thần kinh thực vật			x	
240	3.457	Cây chỉ điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não			x	
241	3.458	Cây chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống			x	
242	3.459	Cây chỉ điều trị giảm đau sau phẫu thuật			x	
243	3.460	Cây chỉ điều trị giảm đau do ung thư			x	
244	3.461	Điện châm điều trị di chứng bại liệt			x	x
245	3.462	Điện châm điều trị liệt chi trên			x	x
246	3.463	Điện châm điều trị liệt chi dưới			x	x
247	3.464	Điện châm điều trị liệt nửa người			x	x
248	3.465	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ			x	x
249	3.466	Điện châm điều trị teo cơ			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
250	3.467	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa			X	X
251	3.468	Điện châm điều trị bại não			X	X
252	3.469	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ			X	X
253	3.470	Điện châm điều trị chứng ù tai			X	X
254	3.471	Điện châm điều trị giảm khứu giác			X	X
255	3.472	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp			X	X
256	3.473	Điện châm điều trị khàn tiếng			X	X
257	3.474	Điện châm cai thuốc lá			X	X
258	3.475	Điện châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy			X	X
259	3.476	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp			X	X
260	3.477	Điện châm điều trị động kinh cục bộ			X	X
261	3.478	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu			X	X
262	3.479	Điện châm điều trị mất ngủ			X	X
263	3.480	Điện châm điều trị stress			X	X
264	3.481	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
265	3.482	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh			X	X
266	3.483	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V			X	X
267	3.484	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên			X	X
268	3.485	Điện châm điều trị chắp lẹo			X	X
269	3.486	Điện châm điều trị sụp mí			X	X
270	3.487	Điện châm điều trị bệnh hồ mắt			X	X
271	3.488	Điện châm điều trị viêm kết mạc			X	X
272	3.489	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp			X	X
273	3.490	Điện châm điều trị lác			X	X
274	3.491	Điện châm điều trị giảm thị lực			X	X
275	3.492	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình			X	X
276	3.493	Điện châm điều trị giảm thính lực			X	X
277	3.494	Điện châm điều trị thất ngôn			X	X
278	3.495	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi			X	X
279	3.496	Điện châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
280	3.497	Điện châm điều trị nôn nấc			X	X
281	3.498	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận			X	X
282	3.499	Điện châm điều trị viêm bàng quang cấp			X	X
283	3.500	Điện châm điều trị viêm phần phụ			X	X
284	3.501	Điện châm điều trị rối loạn trị đại, tiểu tiện			X	X
285	3.502	Điện châm điều trị táo bón			X	X
286	3.503	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hoá			X	X
287	3.504	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác			X	X
288	3.505	Điện châm điều trị đái dầm			X	X
289	3.506	Điện châm điều trị bí đái			X	X
290	3.507	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật			X	X
291	3.508	Điện châm điều trị cảm cúm			X	X
292	3.509	Điện châm điều trị viêm Amidan cấp			X	X
293	3.510	Điện châm điều trị béo phì			X	X
294	3.511	Điện châm điều trị bướng cổ đơn thuần			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
295	3.512	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não			X	X
296	3.513	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống			X	X
297	3.514	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật			X	X
298	3.515	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư			X	X
299	3.516	Điện châm điều trị đau răng			X	X
300	3.517	Điện châm điều trị giảm đau do Zona			X	X
301	3.518	Điện châm điều trị viêm mũi xoang			X	X
302	3.519	Điện châm điều trị hen phế quản			X	X
303	3.520	Điện châm điều trị tăng huyết áp			X	X
304	3.521	Điện châm điều trị huyết áp thấp			X	X
305	3.522	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn			X	X
306	3.523	Điện châm điều trị đau ngực sườn			X	X
307	3.524	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh			X	X
308	3.525	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp			X	X
309	3.526	Điện châm điều trị thoái hóa khớp			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
310	3.527	Điện châm điều trị đau lưng			x	x
311	3.528	Điện châm điều trị đau mắt cơ			x	x
312	3.529	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai			x	x
313	3.530	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy			x	x
314	3.531	Điện châm điều trị chứng tic			x	x
315	3.532	Thủy châm điều trị liệt			x	x
316	3.533	Thủy châm điều trị liệt chi trên			x	x
317	3.534	Thủy châm điều trị liệt chi dưới			x	x
318	3.535	Thủy châm điều trị liệt nửa người			x	x
319	3.536	Thủy châm điều trị liệt do bệnh của cơ			x	x
320	3.537	Thủy châm điều trị teo cơ			x	x
321	3.538	Thủy châm điều trị đau thần kinh tọa			x	x
322	3.539	Thủy châm điều trị bại não			x	x
323	3.540	Thủy châm điều trị bệnh tự kỷ			x	x
324	3.541	Thủy châm điều trị chứng ù tai			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
325	3.542	Thủy châm điều trị giảm khứu giác			X	X
326	3.543	Thủy châm điều trị rối loạn vận ngôn			X	X
327	3.544	Thủy châm điều trị khàn tiếng			X	X
328	3.545	Thủy châm cai thuốc lá			X	X
329	3.546	Thủy châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy			X	X
330	3.547	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp			X	X
331	3.548	Thủy châm điều trị động kinh			X	X
332	3.549	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu			X	X
333	3.550	Thủy châm điều trị mất ngủ			X	X
334	3.551	Thủy châm điều trị stress			X	X
335	3.552	Thủy châm điều trị thiếu máu não mạn tính			X	X
336	3.553	Thủy châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh			X	X
337	3.554	Thủy châm điều trị tổn thương dây thần kinh V			X	X
338	3.555	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên			X	X
339	3.556	Thủy châm điều trị sụp mí			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
340	3.557	Thủy châm điều trị bệnh hồ mắt			X	X
341	3.558	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp			X	X
342	3.559	Thủy châm điều trị lác			X	X
343	3.560	Thủy châm điều trị giảm thị lực			X	X
344	3.561	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình			X	X
345	3.562	Thủy châm điều trị giảm thính lực			X	X
346	3.563	Thủy châm điều trị thất ngôn			X	X
347	3.564	Thủy châm điều trị viêm xoang			X	X
348	3.565	Thủy châm điều trị viêm mũi dị ứng			X	X
349	3.566	Thủy châm điều trị hen phế quản			X	X
350	3.567	Thủy châm điều trị tăng huyết áp			X	X
351	3.568	Thủy châm điều trị huyết áp thấp			X	X
352	3.569	Thủy châm điều trị đau vùng ngực			X	X
353	3.570	Thủy châm điều trị đau thần kinh liên sườn			X	X
354	3.571	Thủy châm điều trị đau ngực, sườn			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
355	3.572	Thủy châm điều trị trĩ			X	X
356	3.573	Thủy châm điều trị sa dạ dày			X	X
357	3.574	Thủy châm điều trị đau dạ dày			X	X
358	3.575	Thủy châm điều trị nôn, nấc			X	X
359	3.576	Thủy châm điều trị bệnh vẩy nến			X	X
360	3.577	Thủy châm điều trị dị ứng			X	X
361	3.578	Thủy châm điều trị viêm khớp dạng thấp			X	X
362	3.579	Thủy châm điều trị thoái hóa khớp			X	X
363	3.580	Thủy châm điều trị đau lưng			X	X
364	3.581	Thủy châm điều trị đau mỏi cơ			X	X
365	3.582	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai			X	X
366	3.583	Thủy châm điều trị hội chứng vai gáy			X	X
367	3.584	Thủy châm điều trị chứng tic			X	X
368	3.585	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi			X	X
369	3.586	Thủy châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
370	3.587	Thủy châm điều trị cơn đau quặn thận			X	X
371	3.588	Thủy châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện			X	X
372	3.589	Thủy châm điều trị táo bón			X	X
373	3.590	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hoá			X	X
374	3.591	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác			X	X
375	3.592	Thủy châm điều trị đái dầm			X	X
376	3.593	Thủy châm điều trị bí đái			X	X
377	3.594	Thủy châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật			X	X
378	3.595	Thủy châm điều trị béo phì			X	X
379	3.596	Thủy châm điều trị bứt rứt cổ đơn thuần			X	X
380	3.597	Thủy châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não			X	X
381	3.598	Thủy châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống			X	X
382	3.599	Thủy châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật			X	X
383	3.600	Thủy châm điều trị giảm đau do ung thư			X	X
384	3.601	Thủy châm điều trị đau răng			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
385	3.602	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình			x	x
386	3.603	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt			x	x
387	3.604	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên			x	x
388	3.605	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới			x	x
389	3.606	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người			x	x
390	3.607	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa			x	x
391	3.608	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não			x	x
392	3.609	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em			x	x
393	3.610	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên			x	x
394	3.611	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới			x	x
395	3.612	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất			x	x
396	3.613	Xoa búp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ			x	x
397	3.614	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai			x	x
398	3.615	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác			x	x
399	3.616	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
400	3.617	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh			x	x
401	3.618	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ			x	x
402	3.619	Xoa bóp bấm huyệt cai thuốc lá			x	x
403	3.620	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy			x	x
404	3.621	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược			x	x
405	3.622	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp			x	x
406	3.623	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh			x	x
407	3.624	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu			x	x
408	3.625	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ			x	x
409	3.626	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress			x	x
410	3.627	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu máu não mạn tính			x	x
411	3.628	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh			x	x
412	3.629	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V			x	x
413	3.630	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên			x	x
414	3.631	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
415	3.632	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp			X	X
416	3.633	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác			X	X
417	3.634	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do teo gai thị			X	X
418	3.635	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình			X	X
419	3.636	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực			X	X
420	3.637	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang			X	X
421	3.638	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản			X	X
422	3.639	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tăng huyết áp			X	X
423	3.640	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp			X	X
424	3.641	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực			X	X
425	3.642	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn			X	X
426	3.643	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn			X	X
427	3.644	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dạ dày			X	X
428	3.645	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc			X	X
429	3.646	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
430	3.647	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hóa khớp			X	X
431	3.648	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng			X	X
432	3.649	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mắt cơ			X	X
433	3.650	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai			X	X
434	3.651	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy			X	X
435	3.652	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic			X	X
436	3.653	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc			X	X
437	3.654	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi			X	X
438	3.655	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm cơ cứng cơ delta			X	X
439	3.656	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện			X	X
440	3.657	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón			X	X
441	3.658	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá			X	X
442	3.659	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác			X	X
443	3.660	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đại			X	X
444	3.661	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
445	3.662	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì			X	X
446	3.663	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não			X	X
447	3.664	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống			X	X
448	3.665	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật			X	X
449	3.666	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư			X	X
450	3.667	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng			X	X
451	3.668	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm			X	X
452	3.669	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sa trực tràng			X	X
453	3.670	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hysteria			X	X
454	3.671	Cứu điều trị đau lưng thể hàn			X	X
455	3.672	Cứu điều trị đau thần kinh tọa thể hàn			X	X
456	3.673	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn			X	X
457	3.674	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn			X	X
458	3.675	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn			X	X
459	3.676	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
460	3.677	Cứu điều trị liệt thể hàn			X	X
461	3.678	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn			X	X
462	3.679	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn			X	X
463	3.680	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn			X	X
464	3.681	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn			X	X
465	3.682	Cứu điều trị bại não thể hàn			X	X
466	3.683	Cứu điều trị bệnh tự kỷ thể hàn			X	X
467	3.684	Cứu điều trị ù tai thể hàn			X	X
468	3.685	Cứu điều trị giảm khứ giác thể hàn			X	X
469	3.686	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn			X	X
470	3.687	Cứu điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy thể hàn			X	X
471	3.688	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn			X	X
472	3.689	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn			X	X
473	3.690	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn			X	X
474	3.691	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
475	3.692	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn			x	x
476	3.693	Cứu điều trị đái dầm thể hàn			x	x
477	3.694	Cứu điều trị bí đái thể hàn			x	x
478	3.695	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn			x	x
479	3.696	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn			x	x
480	3.767	Thủy trị liệu			x	
481	3.768	Thủy trị liệu có thuốc			x	
482	3.769	Hoạt động trị liệu			x	
483	3.770	Ngôn ngữ trị liệu			x	
484	3.773	Điều trị bằng các dòng điện xung			x	
485	3.774	Điều trị bằng tia hồng ngoại			x	
486	3.780	Kỹ thuật kéo giãn			x	
487	3.782	Thông tiểu ngắt quãng trong PHCN tổn thương tủy sống			x	
488	3.786	Vật lý trị liệu trong tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ sơ sinh do tai biến sản khoa			x	
489	3.787	Vật lý trị liệu cho viêm khớp thái dương – hàm			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
490	3.788	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị viêm não.			x	
491	3.789	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cổ			x	
492	3.790	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị dị tật bàn chân khoèo bẩm sinh			x	
493	3.791	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cột sống			x	
494	3.794	Tư vấn tâm lý cho người bệnh PHCN			x	
495	3.795	Vật lý trị liệu -PHCN cho trẻ bị chậm phát triển trí tuệ			x	
496	3.796	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh cứng khớp			x	
497	3.797	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể co cứng			x	
498	3.798	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não múa vờn			x	
499	3.799	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh sau mổ thoát vị đĩa đệm cột sống cổ và cột sống thắt lưng			x	
500	3.800	Đánh giá kỹ năng Vận động thô			x	
501	3.801	Đánh giá trẻ Bại não			x	
502	3.803	Vật lý trị liệu hô hấp tại khoa PHCN			x	
503	3.804	Tắm bùn khoáng			x	x
504	3.805	Đắp bùn khoáng			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
505	3.806	Tập dưỡng sinh			X	X
506	3.807	Xoa bóp cục bộ bằng tay (60 phút)			X	X
507	3.808	Xoa bóp toàn thân bằng tay (60 phút)			X	X
508	3.809	Chườm lạnh			X	X
509	3.810	Chườm ngải cứu			X	X
510	3.811	Tập vận động có trợ giúp			X	X
511	3.812	Vỗ rung lồng ngực			X	X
512	3.813	Xoa bóp			X	X
513	3.814	Tập ho			X	X
514	3.815	Tập thở			X	X
515	3.816	Hướng dẫn người bệnh ra vào xe lăn tay			X	X
516	3.817	Sử dụng khung, nạng, gậy trong tập đi			X	X
517	3.818	Sử dụng xe lăn			X	X
518	3.819	Kỹ thuật thay đổi tư thế lăn trở khi nằm			X	X
519	3.820	Tập vận động chủ động			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
520	3.821	Tập vận động có kháng trở			X	X
521	3.822	Tập vận động thụ động			X	X
522	3.823	Đo tầm vận động khớp			X	X
523	3.824	Đắp nóng			X	X
524	3.825	Thử cơ bằng tay			X	X
525	3.826	Điều trị sẹo bồng bằng băng thun áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo			X	X
526	3.827	Điều trị sẹo bồng bằng day sẹo- massage sẹo với các thuốc làm mềm sẹo			X	X
527	3.828	Vật lý trị liệu phòng ngừa các biến chứng do bất động			X	X
528	3.830	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh bại liệt			X	X
529	3.831	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh quay			X	X
530	3.832	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh giữa			X	X
531	3.833	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh trụ			X	X
532	3.834	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang tay giả			X	X
533	3.835	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương dây chằng chéo trước khớp gối			X	X
534	3.836	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh tổn thương sụn chêm khớp gối			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
535	3.837	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh sau chấn thương khớp gối			X	X
536	3.838	Vật lý trị liệu -PHCN viêm quanh khớp vai			X	X
537	3.839	Vật lý trị liệu -PHCN trật khớp vai			X	X
538	3.840	Vật lý trị liệu -PHCN gãy xương đòn			X	X
539	3.841	Vật lý trị liệu trong viêm cột sống dính khớp			X	X
540	3.842	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi dưới			X	X
541	3.843	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi trên			X	X
542	3.844	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật ổ bụng			X	X
543	3.845	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật lồng ngực			X	X
544	3.846	Phục hồi chức năng vận động người bệnh tai biến mạch máu não			X	X
545	3.847	Phục hồi chức năng và phòng ngừa tàn tật do bệnh phong			X	X
546	3.848	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh gãy thân xương đùi			X	X
547	3.849	Vật lý trị liệu -PHCN gãy cổ xương đùi			X	X
548	3.850	Vật lý trị liệu -PHCN gãy trên lồi cầu xương cánh tay			X	X
549	3.851	Vật lý trị liệu -PHCN gãy hai xương cẳng tay			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
550	3.852	Vật lý trị liệu -PHCN gãy đầu dưới xương quay			X	X
551	3.853	Vật lý trị liệu -PHCN gãy hai xương cẳng chân			X	X
552	3.854	Vật lý trị liệu -PHCN trong tổn thương thần kinh chày			X	X
553	3.855	Vật lý trị liệu -PHCN tổn thương tủy sống			X	X
554	3.856	Vật lý trị liệu -PHCN trong gãy đầu dưới xương đùi			X	X
555	3.857	Vật lý trị liệu -PHCN sau chấn thương xương chậu			X	X
556	3.858	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả trên gối			X	X
557	3.859	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả dưới gối			X	X
558	3.860	Vật lý trị liệu cho người bệnh áp xe phổi			X	X
559	3.861	Phòng ngừa và xử trí loét do đè ép			X	X
560	3.862	Phục hồi chức năng cho người bệnh động kinh			X	X
561	3.863	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh chấn thương sọ não			X	X
562	3.864	Vật lý trị liệu người bệnh lao phổi			X	X
563	3.865	Vật lý trị liệu -PHCN trong vẹo cổ cấp			X	X
564	3.866	Vật lý trị liệu trong suy tim			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
565	3.867	Vật lý trị liệu trong bệnh tắc nghẽn phổi mãn tính			X	X
566	3.868	Vật lý trị liệu cho ngư-ời bệnh tràn dịch màng phổi			X	X
567	3.869	Vật lý trị liệu sau phẫu thuật van tim			X	X
568	3.870	Vật lý trị liệu-PHCN cho ng-ười bệnh teo cơ tiến triển			X	X
569	3.871	Tập vận động PHCN cho người bệnh đái tháo đường phòng ngừa biến chứng			X	X
570	3.872	Vật lý trị liệu trong viêm tắc động mạch chi d-ưới			X	X
571	3.873	Vật lý trị liệu-PHCN ngư-ời bệnh bỏng			X	X
572	3.874	Vật lý trị liệu-PHCN ngư-ời bệnh vảy da			X	X
573	3.875	Vật lý trị liệu-PHCN trong giãn tĩnh mạch			X	X
574	3.876	Phục hồi chức năng thoái hóa khớp (cột sống cổ - lưng)			X	X
575	3.877	Phục hồi chức năng cho người bệnh viêm khớp dạng thấp			X	X
576	3.878	Phục hồi chức năng cho người bệnh đau lưng			X	X
577	3.879	Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng cho ngư-ời bệnh hội chứng đuôi ngựa			X	X
578	3.880	Vật lý trị liệu- PHCN cho người bệnh đau thần kinh tọa			X	X
579	3.881	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh liệt dây VII ngoại biên			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
580	3.882	Vật lý trị liệu-PHCN cho ng-ười cao tuổi			x	x
581	3.883	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh Parkinson			x	x
582	3.884	Xoa bóp bấm huyệt/kéo nắn cột sống, các khớp			x	x
583	3.885	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay			x	x
584	3.886	Xoa bóp lưng, chân			x	x
585	3.887	Xoa bóp			x	x
586	3.888	Xoa bóp tại giường bệnh cho người bệnh nội trú các khoa			x	x
587	3.889	Tập do cứng khớp			x	x
588	3.890	Tập do liệt ngoại biên người bệnh liệt nửa người, liệt các chi, tổn thương hệ vận động			x	x
589	3.891	Tập do liệt thần kinh trung ương			x	x
590	3.892	Tập vận động đoạn chi 30 phút			x	x
591	3.893	Tập vận động đoạn chi 15 phút			x	x
592	3.894	Tập vận động toàn thân 30 phút			x	x
593	3.895	Tập vận động toàn thân 15 phút			x	x
594	3.896	Tập vận động cột sống			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
595	3.897	Tập KT tạo thuận VD cho trẻ (lấy, ngồi, bò, đứng, đi.....)			X	X
596	3.898	Tập cho trẻ bị Xơ hóa cơ			X	X
597	3.899	Tập cho trẻ dị tật tay/ chân			X	X
598	3.900	Tập vận động tại gi-ường			X	X
599	3.901	Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu dùi			X	X
600	3.902	Tập với hệ thống ròng rọc			X	X
601	3.903	Tập với xe đạp tập			X	X
602	3.904	Tập với xe lăn			X	X
603	3.906	Vật lý trị liệu hô hấp tại gi-ường bệnh			X	X
604	3.983	Nạng nách			X	X
605	3.984	Nạng khuỷu			X	X
606	3.985	Gậy tập			X	X
607	3.986	Nẹp khớp gối			X	X
608	3.987	Máng đỡ bàn tay			X	X
609	3.988	Các dụng cụ tập sự khéo léo của bàn tay			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
610	3.994	Nội soi cầm máu mũi		x		
611	3.999	Nội soi mũi xoang		x		
612	3.1001	Nội soi tai			x	
613	3.1002	Nội soi mũi			x	
614	3.1003	Nội soi họng			x	
615	3.1280	Kỹ thuật đo và theo dõi SpO2		x		
616	3.1370	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường tĩnh mạch		x		
617	3.1399	Kỹ thuật theo dõi SpO2			x	
618	3.1405	Truyền dịch thường quy			x	
619	3.1450	Vệ sinh, vô trùng phòng phẫu thuật			x	
620	3.1451	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS			x	
621	3.1455	Theo dõi HA liên tục tại giường			x	
622	3.1462	Thở oxy gọng kính			x	
623	3.1463	Thở oxy qua mặt nạ			x	
624	3.1464	Thở oxy qua ống chữ T			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
625	3.1466	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày			x	
626	3.1470	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)			x	
627	3.1489	Thay băng điều trị bỏng nông, từ 10% đến 20% diện tích cơ thể ở trẻ em		x		
628	3.149	Thay băng điều trị bỏng sâu, dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em		x		
629	3.1510	Thay băng điều trị bỏng nông, d-ưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em.			x	
630	3.1515	Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỹ đầu.			x	x
631	3.1665	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt			x	
632	3.1693	Chích chắp, lẹo, chích áp xe mi, kết mạc			x	
633	3.1694	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi			x	
634	3.1695	Rửa cùng đồ			x	
635	3.1703	Cắt chỉ khâu da			x	x
636	3.1704	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu			x	x
637	3.1707	Khám mắt			x	x
638	3.1726	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.		x		
639	3.1728	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		x		

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
640	3.1729	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy		x		
641	3.1836	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite		x		
642	3.1837	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Compomer		x		
643	3.1838	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite có sử dụng Laser		x		
644	3.1839	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser		x		
645	3.1840	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser		x		
646	3.1841	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng Laser		x		
647	3.1858	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội		x		
648	3.1859	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay		x		
649	3.1914	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay			x	
650	3.1915	Nhổ chân răng vĩnh viễn			x	
651	3.1916	Nhổ răng thừa			x	
652	3.1917	Nhổ răng vĩnh viễn			x	
653	3.1918	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới			x	
654	3.1919	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
655	3.1920	Nhổ chân răng vĩnh viễn			x	
656	3.1921	Nhổ răng thừa			x	
657	3.1922	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)			x	
658	3.1924	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt			x	
659	3.1925	Liên kết cố định răng lung lay bằng Composite			x	
660	3.1926	Điều trị viêm lợi do mọc răng			x	
661	3.1927	Điều trị viêm quanh thân răng cấp			x	
662	3.1928	Điều trị viêm quanh răng			x	
663	3.1929	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite			x	
664	3.1930	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement (GIC)			x	
665	3.1931	Phục hồi cổ răng bằng Composite			x	
666	3.1933	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi {Ca(OH) ₂ }			x	
667	3.1935	Mài chỉnh khớp cắn			x	
668	3.1936	Tháo chụp răng giả			x	
669	3.1939	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
670	3.1940	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp			x	
671	3.1941	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt			x	
672	3.1942	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục			x	
673	3.1943	Lấy tủy buồng răng sữa			x	
674	3.1944	Điều trị tủy răng sữa			x	
675	3.1951	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam			x	x
676	3.1952	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Composite			x	x
677	3.1953	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement (GIC)			x	x
678	3.1954	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)			x	x
679	3.1955	Nhổ răng sữa			x	x
680	3.1956	Nhổ chân răng sữa			x	x
681	3.1957	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em			x	x
682	3.1958	Chích Apxe lợi trẻ em			x	x
683	3.1959	Điều trị viêm lợi trẻ em			x	x
684	3.1960	Chích áp xe lợi			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
685	3.1961	Điều trị viêm lợi do mọc răng			X	X
686	3.1964	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp			X	X
687	3.1965	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp			X	X
688	3.1966	Đệm hàm giả nhựa thường			X	X
689	3.1967	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)			X	X
690	3.1968	Hàm giả tháo lắp từng phần nhựa thường			X	X
691	3.1969	Hàm giả tháo lắp toàn bộ nhựa thường			X	X
692	3.1970	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenate			X	X
693	3.1971	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam			X	X
694	3.1974	Lấy cao răng 2 hàm (Các kỹ thuật)			X	X
695	3.2069	Nắn sai khớp thái dương hàm			X	
696	3.2072	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm			X	
697	3.2075	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp			X	
698	3.2076	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt			X	
699	3.2077	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
700	3.2115	Khâu vành tai rách sau chấn thương			x	
701	3.2117	Lấy dị vật tai			x	
702	3.2118	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai			x	
703	3.2119	Chích nhọt ống tai ngoài			x	
704	3.2120	Làm thuốc tai			x	
705	3.2125	Lấy dây tai (nút biểu bì)			x	x
706	3.2148	Nắn sống mũi sau chấn thương			x	
707	3.2149	Nhét bắc mũi sau			x	
708	3.2150	Nhét bắc mũi trước			x	
709	3.2151	Đốt cuốn mũi			x	
710	3.2152	Bẻ cuốn dưới			x	
711	3.2153	Chọc rửa xoang hàm			x	
712	3.2155	Cầm máu mũi bằng Meroxeo (2 bên)			x	x
713	3.2175	Chích áp xe thành sau họng			x	
714	3.2178	Lấy dị vật hạ họng			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
715	3.2181	Chích áp xe quanh Amidan			x	
716	3.2184	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản			x	
717	3.2186	Bơm thuốc thanh quản			x	
718	3.2187	Rửa vòm họng			x	
719	3.2189	Sơ cứu bông kỳ đầu đ-ường hô hấp			x	
720	3.2190	Lấy dị vật họng miệng			x	x
721	3.2191	Khí dung mũi họng			x	x
722	3.2245	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ			x	
723	3.2246	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh		x		
724	3.2258	Chích áp xe tuyến Bartholin			x	
725	3.2263	Khâu rách cùng đồ âm đạo			x	
726	3.2264	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn			x	
727	3.2354	Chọc dịch màng bụng			x	
728	3.2357	Thụt tháo phân			x	x
729	3.2358	Đặt sonde hậu môn			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
730	3.2359	Nong hậu môn			x	
731	3.2382	Test lấy da (Prick test) với các loại thuốc			x	x
732	3.2383	Test nội bì			x	x
733	3.2384	Test áp (Patch test) với các loại thuốc			x	x
734	3.2385	Lấy bệnh phẩm họng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng				
735	3.2386	Lấy bệnh phẩm trực tràng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng			x	
736	3.2387	Tiêm trong da			x	x
737	3.2388	Tiêm dưới da			x	x
738	3.2389	Tiêm bắp thịt			x	x
739	3.2390	Tiêm tĩnh mạch			x	x
740	3.2391	Truyền tĩnh mạch			x	x
741	3.2455	Cắt u da đầu lành, đường kính từ 5 cm trở lên		x		
742	3.2456	Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm			x	
743	3.2457	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm			x	
744	3.2458	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính dưới 5 cm			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
745	3.2611	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm		x		
746	3.2613	Cắt polyp ống tai			x	
747	3.2614	Cắt polyp mũi			x	
748	3.3083	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu			x	
749	3.3221	Thắt các động mạch ngoại vi			x	
750	3.3265	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản			x	x
751	3.3400	Lấy máu tụ tầng sinh môn			x	
752	3.3404	Khâu lại da thì 2, sau nhiễm khuẩn			x	
753	3.3406	Chích áp xe tầng sinh môn			x	
754	3.3535	Đặt ống thông bàng quang			x	x
755	3.3605	Mở rộng lỗ sáo			x	
756	3.3606	Nong niệu đạo			x	
757	3.3817	Chích áp xe phần mềm lớn			x	
758	3.3825	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm			x	
759	3.3826	Thay băng, cắt chỉ vết mổ			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
760	3.3827	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm			X	X
761	3.3873	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn			X	X
762	3.3874	Nắn, cố định trật khớp hàm			X	X
763	3.3875	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân			X	X
764	3.3877	Nẹp bột các loại, không nắn			X	X
765	3.3898	Chích rạch áp xe lớn, dẫn l-ru			X	
766	3.3909	Chích rạch áp xe nhỏ			X	X
767	3.3910	Chích hạch viêm mủ			X	X
768	3.3911	Thay băng, cắt chỉ			X	X
769	3.4191	Theo dõi tim thai			X	X
770	3.4193	Đo độ bão hòa oxy máu qua da			X	X
771	3.4198	Test dưới da với thuốc			X	X
772	3.4214	Hướng dẫn sử dụng bình xịt định liều			X	X
773	3.4246	Tháo bột các loại			X	X
IV. TÂM THẦN					X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
774	6.45	Liệu pháp tâm lý nhóm			X	X
775	6.46	Liệu pháp tâm lý gia đình			X	X
776	6.48	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình			X	X
777	6.55	Liệu pháp kích hoạt hành vi (BA)			X	X
778	6.58	Liệu pháp thể dục, thể thao			X	X
779	6.59	Liệu pháp tái thích ứng xã hội			X	X
780	6.60	Liệu pháp lao động			X	X
781	6.62	Xử trí trạng thái kích động			X	X
782	6.63	Xử trí trạng thái động kinh		X		
783	6.64	Xử trí trạng thái không ăn			X	
784	6.68	Cấp cứu tự sát			X	X
785	6.69	Xử trí hạ huyết áp tư thế			X	X
786	6.70	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần			X	
787	6.71	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần			X	X
788	6.72	Xử trí trạng thái sảng rượu		X		

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
V. NỘI TIẾT						
789	7.225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường			X	X
790	7.234	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường			X	X
791	7.239	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin			X	X
792	7.240	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân			X	X
793	7.241	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện			X	X
VI. Y HỌC CỔ TRUYỀN						
794	8.1	Mai hoa châm			X	X
795	8.2	Hào châm			X	X
796	8.3	Mãng châm			X	
797	8.4	Nhĩ châm			X	X
798	8.5	Điện châm			X	X
799	8.6	Thủy châm			X	X
800	8.7	Cấy chỉ			X	
801	8.8	Ôn châm			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
802	8.9	Cứu			x	x
803	8.10	Chích lễ			x	x
804	8.12	Từ châm			x	x
805	8.13	Kéo nắn cột sống cổ			x	
806	8.20	Xông hơi thuốc			x	x
807	8.21	Xông khói thuốc			x	x
808	8.22	Sắc thuốc thang			x	x
809	8.23	Ngâm thuốc YHCT toàn thân			x	
810	8.24	Ngâm thuốc YHCT bộ phận			x	x
811	8.25	Đặt thuốc YHCT			x	x
812	8.26	Bỏ thuốc			x	x
813	8.27	Chườm ngải			x	x
814	8.28	Luyện tập dưỡng sinh			x	x
815	8.114	Điện mãng châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông			x	
816	8.116	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
817	8.121	Điện mãng châm phục hồi chức năng vận động cho trẻ bại liệt			x	
818	8.122	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh cơ ở trẻ em			x	
819	8.123	Điện mãng châm điều trị liệt do tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ em			x	
820	8.130	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy			x	
821	8.133	Điện mãng châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên			x	
822	8.137	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh V			x	
823	8.138	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống			x	
824	8.139	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng do chấn thương sọ não			x	
825	8.141	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên			x	
826	8.142	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới			x	
827	8.146	Điện mãng châm điều trị			x	
828	8.154	Điện mãng châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp			x	
829	8.155	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai			x	
830	8.156	Điện mãng châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp			x	
831	8.157	Điện mãng châm điều trị đau lưng			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
832	8.177	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não			x	
833	8.228	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não			x	
834	8.229	Cấy chỉ điều trị tâm căn suy nhược			x	
835	8.230	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng			x	
836	8.231	Cấy chỉ điều trị sa dạ dày			x	
837	8.232	Cấy chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng			x	
838	8.233	Cấy chỉ điều trị mày đay			x	
839	8.234	Cấy chỉ hỗ trợ điều trị vẩy nến			x	
840	8.235	Cấy chỉ điều trị giảm thính lực			x	
841	8.236	Cấy chỉ điều trị giảm thị lực			x	
842	8.237	Cấy chỉ điều trị hội chứng tự kỷ			x	
843	8.238	Cấy chỉ điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em			x	
844	8.239	Cấy chỉ điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não			x	
845	8.240	Cấy chỉ châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não			x	
846	8.241	Cấy chỉ điều trị hội chứng thắt lưng- hông			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
847	8.242	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu			x	
848	8.243	Cây chỉ điều trị mất ngủ			x	
849	8.244	Cây chỉ điều trị nấc			x	
850	8.245	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền đình			x	
851	8.246	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy			x	
852	8.247	Cây chỉ điều trị hen phế quản			x	
853	8.248	Cây chỉ điều trị huyết áp thấp			x	
854	8.249	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên			x	
855	8.250	Cây chỉ điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính			x	
856	8.251	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn			x	
857	8.252	Cây chỉ điều trị thất vận ngôn			x	
858	8.253	Cây chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống			x	
859	8.254	Cây chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não			x	
860	8.255	Cây chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp			x	
861	8.256	Cây chỉ điều trị khàn tiếng			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
862	8.257	Cây chỉ điều trị liệt chi trên			x	
863	8.258	Cây chỉ điều trị liệt chi dưới			x	
864	8.259	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy			x	
865	8.260	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện thuốc lá			x	
866	8.261	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện rượu			x	
867	8.262	Cây chỉ điều trị viêm mũi xoang			x	
868	8.263	Cây chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa			x	
869	8.264	Cây chỉ điều trị táo bón kéo dài			x	
870	8.265	Cây chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp			x	
871	8.266	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai			x	
872	8.267	Cây chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp			x	
873	8.268	Cây chỉ điều trị đau lưng			x	
874	8.269	Cây chỉ điều trị đái dầm			x	
875	8.270	Cây chỉ điều trị cơn động kinh cục bộ			x	
876	8.271	Cây chỉ điều trị rối loạn kinh nguyệt			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
877	8.272	Cây chỉ điều trị đau bụng kinh			x	
878	8.273	Cây chỉ điều trị sa tử cung			x	
879	8.274	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh			x	
880	8.275	Cây chỉ điều trị di tinh			x	
881	8.276	Cây chỉ điều trị liệt dương			x	
882	8.277	Cây chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự chủ			x	
883	8.278	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình			x	x
884	8.279	Điện châm điều trị huyết áp thấp			x	x
885	8.280	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính			x	x
886	8.281	Điện châm điều trị hội chứng stress			x	x
887	8.282	Điện châm điều trị cảm mạo			x	x
888	8.283	Điện châm điều trị viêm amidan			x	x
889	8.284	Điện châm điều trị trĩ			x	x
890	8.285	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt			x	x
891	8.286	Điện châm điều trị hỗ trợ bệnh tự kỷ trẻ em			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
892	8.287	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em			X	X
893	8.288	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não			X	X
894	8.289	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não			X	X
895	8.290	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận			X	X
896	8.291	Điện châm điều trị viêm bàng quang			X	X
897	8.292	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện			X	X
898	8.293	Điện châm điều trị bí đái cơ năng			X	X
899	8.294	Điện châm điều trị sa tử cung			X	X
900	8.295	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh			X	X
901	8.296	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống			X	X
902	8.297	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não			X	X
903	8.298	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp			X	X
904	8.299	Điện châm điều trị khàn tiếng			X	X
905	8.300	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi			X	X
906	8.301	Điện châm điều trị liệt chi trên			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
907	8.302	Điện châm điều trị chắp lẹo			X	X
908	8.303	Điện châm điều trị đau hồ mắt			X	X
909	8.304	Điện châm điều trị viêm kết mạc			X	X
910	8.305	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp			X	X
911	8.306	Điện châm điều trị lác cơ năng			X	X
912	8.307	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông			X	X
913	8.308	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá			X	X
914	8.309	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu			X	X
915	8.310	Điện châm điều trị viêm mũi xoang			X	X
916	8.311	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa			X	X
917	8.312	Điện châm điều trị đau răng			X	X
918	8.313	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp			X	X
919	8.314	Điện châm điều trị ù tai			X	X
920	8.315	Điện châm điều trị giảm khứu giác			X	X
921	8.316	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
922	8.317	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật			X	X
923	8.318	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư			X	X
924	8.319	Điện châm điều trị giảm đau do zona			X	X
925	8.320	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh			X	X
926	8.321	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt			X	X
927	8.322	Thủy châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông			X	X
928	8.323	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu			X	
929	8.324	Thủy châm điều trị mất ngủ			X	X
930	8.326	Thủy châm điều trị nấc			X	X
931	8.327	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm			X	X
932	8.328	Thủy châm điều trị viêm amydan			X	X
933	8.329	Thủy châm điều trị béo phì			X	X
934	8.330	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não			X	X
935	8.331	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng			X	X
936	8.335	Thủy châm điều trị mày đay			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
937	8.336	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng			X	X
938	8.337	Thủy châm điều trị tâm căn suy nhược			X	
939	8.338	Thủy châm điều trị bại liệt trẻ em			X	X
940	8.340	Thủy châm điều trị liệt trẻ em			X	X
941	8.342	Thủy châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em			X	
942	8.344	Thủy châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não			X	
943	8.345	Thủy châm điều trị cơn động kinh cục bộ			X	
944	8.347	Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh			X	X
945	8.348	Thủy châm điều trị thông kinh			X	X
946	8.349	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt			X	X
947	8.350	Thủy châm điều trị đái dầm			X	X
948	8.351	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình			X	X
949	8.352	Thủy châm điều trị đau vai gáy			X	X
950	8.353	Thủy châm điều trị hen phế quản			X	X
951	8.354	Thủy châm điều trị huyết áp thấp			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
952	8.355	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính			X	X
953	8.356	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên			X	X
954	8.357	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn			X	X
955	8.359	Thủy châm điều trị đau dây V			X	
956	8.360	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống			X	
957	8.361	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não			X	
958	8.362	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp			X	
959	8.364	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi			X	
960	8.365	Thủy châm điều trị liệt chi trên			X	X
961	8.366	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới			X	X
962	8.367	Thủy châm điều trị sụp mí			X	X
963	8.368	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy			X	X
964	8.369	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá			X	X
965	8.370	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu			X	X
966	8.371	Thủy châm điều trị viêm mũi xoang			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
967	8.372	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa			X	X
968	8.373	Thủy châm điều trị đau răng			X	X
969	8.374	Thủy châm điều trị táo bón kéo dài			X	X
970	8.375	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp			X	X
971	8.376	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp			X	X
972	8.377	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai			X	X
973	8.378	Thủy châm điều trị đau lưng			X	X
974	8.385	Thủy châm điều trị di tinh			X	
975	8.386	Thủy châm điều trị liệt dương			X	
976	8.387	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện			X	
977	8.388	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng			X	X
978	8.389	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên			X	X
979	8.390	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới			X	X
980	8.391	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não			X	X
981	8.392	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
982	8.393	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não			X	X
983	8.394	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não			X	X
984	8.395	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não			X	X
985	8.396	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên			X	X
986	8.397	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới			X	X
987	8.398	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất			X	X
988	8.399	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em			X	
989	8.400	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai			X	X
990	8.401	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác			X	X
991	8.402	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ			X	X
992	8.403	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện rượu			X	X
993	8.404	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá			X	X
994	8.405	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện ma túy			X	X
995	8.406	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược			X	X
996	8.407	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
997	8.408	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu			x	x
998	8.409	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ			x	x
999	8.410	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress			x	x
1000	8.411	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính			x	x
1001	8.412	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh			x	x
1002	8.413	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V			x	x
1003	8.414	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên			x	x
1004	8.415	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí			x	x
1005	8.416	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp			x	x
1006	8.417	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng			x	x
1007	8.418	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực			x	x
1008	8.419	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình			x	x
1009	8.420	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực			x	x
1010	8.421	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang			x	x
1011	8.422	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1012	8.423	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp			x	x
1013	8.424	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp			x	x
1014	8.425	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn			x	x
1015	8.426	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng			x	x
1016	8.427	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc			x	x
1017	8.428	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp			x	x
1018	8.429	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp			x	x
1019	8.430	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng			x	x
1020	8.431	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai			x	x
1021	8.432	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy			x	x
1022	8.433	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt			x	x
1023	8.434	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi			x	x
1024	8.435	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa			x	x
1025	8.436	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt			x	x
1026	8.437	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1027	8.438	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh			x	x
1028	8.439	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón			x	x
1029	8.440	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá			x	x
1030	8.441	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông			x	x
1031	8.442	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng			x	x
1032	8.443	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật			x	
1033	8.444	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì			x	x
1034	8.445	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não			x	x
1035	8.446	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống			x	x
1036	8.447	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật			x	x
1037	8.448	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư			x	x
1038	8.449	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm			x	x
1039	8.451	Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn			x	x
1040	8.452	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn			x	x
1041	8.453	Cứu điều trị nấc thể hàn			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1042	8.454	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn			X	X
1043	8.455	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn			X	X
1044	8.456	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn			X	X
1045	8.457	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn			X	X
1046	8.458	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn			X	X
1047	8.459	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn			X	X
1048	8.460	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn			X	X
1049	8.461	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn			X	X
1050	8.462	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn			X	X
1051	8.463	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn			X	X
1052	8.464	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não			X	X
1053	8.465	Cứu điều trị di tinh thể hàn			X	X
1054	8.466	Cứu điều trị liệt dương thể hàn			X	X
1055	8.467	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn			X	X
1056	8.468	Cứu điều trị bí đái thể hàn			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1057	8.469	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn			X	X
1058	8.470	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn			X	X
1059	8.471	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn			X	X
1060	8.472	Cứu điều trị đái dầm thể hàn			X	X
1061	8.473	Cứu điều trị đau lưng thể hàn			X	X
1062	8.474	Cứu điều trị giảm khứ giác thể hàn			X	X
1063	8.475	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn			X	X
1064	8.476	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn			X	X
1065	8.477	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn			X	X
1066	8.478	Cứu hỗ trợ điều trị nghiện ma túy thể hàn			X	X
1067	8.479	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn			X	X
1068	8.480	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt			X	X
1069	8.481	Giác hơi điều trị các chứng đau			X	X
1070	8.482	Giác hơi điều trị cảm cúm			X	X
1071	8.483	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1072	8,484	Xoa bóp bấm huyệt bằng máy			x	x
1073	8.485	Giác hơi			x	x
VII. GÂY MÊ HỒI SỨC						
1074	9.6	Cấp cứu cao huyết áp			x	
1075	9.7	Cấp cứu ngừng thở			x	
1076	9.8	Cấp cứu ngừng tim			x	
1077	9.10	Cấp cứu tụt huyết áp			x	
1078	9.141	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch			x	
1079	9.142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày			x	
1080	9.146	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)			x	
1081	9.147	Phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày			x	
1082	9.148	Rửa tay phẫu thuật			x	
1083	9.149	Rửa tay sát khuẩn			x	
1084	9.150	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu			x	
1085	9.173	Theo dõi SpO2			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1086	9.183	Thở oxy gọng kính			x	
1087	9.184	Thở oxy qua mặt nạ			x	
1088	9.185	Thở oxy qua mũi kín			x	
1089	9.195	Truyền dịch thường qui			x	
1090	9.196	Truyền dịch trong sóc			x	
1091	9.200	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện			x	
1092	9.201	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện			x	
1093	9.202	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức			x	
VIII. NGOẠI KHOA						
1094	10.164	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản			x	x
1095	10.356	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang			x	
1096	10.359	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần			x	
1097	10.405	Nong niệu đạo			x	
1098	10.411	Cắt hẹp bao quy đầu			x	x
1099	10.412	Mở rộng lỗ sáo			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1100	10.9005	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm			x	
IX. BỎNG						
1101	11.5	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn			x	x
1102	11.13	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông			x	x
1103	11.16	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bỏng sâu			x	x
1104	11.77	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng			x	x
1105	11.79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt			x	x
1106	11.80	Xử lý tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng			x	x
1107	11.81	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng			x	x
1108	11.82	Sơ cấp cứu bỏng acid			x	x
1109	11.83	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện			x	x
1110	11.89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng			x	x
1111	11.102	Khám di chứng bỏng			x	
1112	11.116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính			x	
1113	11.122	Khám bệnh nhân phục hồi chức năng sau bỏng			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1114	11.128	Tập vận động phục hồi chức năng sau bỏng			x	
1115	11,138	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do cóng lạnh			x	x
1116	11,139	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do kiềm và các hóa chất khác			x	x
1117	11,140	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do tia xạ			x	x
1118	11,177	Kỹ thuật massage tại chỗ trong chăm sóc vết thương mạn tính			x	x
1119	11,180	Kỹ thuật sử dụng băng chun băng ép trong điều trị vết loét do giãn tĩnh mạch chi dưới			x	x
X. PHỤ SẴN						
1120	13.24	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)			x	
1121	13.25	Nội xoay thai			x	
1122	13.26	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên			x	
1123	13.30	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo			x	
1124	13.31	Thủ thuật cắt, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)			x	
1125	13.32	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn			x	
1126	13.33	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm			x	x
1127	13.34	Cắt và khâu tầng sinh môn			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1128	13.35	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ			x	x
1129	13.36	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau			x	x
1130	13.37	Kiểm soát tử cung			x	x
1131	13.38	Bóc rau nhân tạo			x	x
1132	13.39	Kỹ thuật bấm ối			x	x
1133	13.40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn			x	x
1134	13.41	Khám thai			x	x
1135	13.48	Nong cổ tử cung do bế sản dịch			x	
1136	13.49	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ			x	
1137	13.52	Khâu vòng cổ tử cung			x	
1138	13.53	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung			x	
1139	13.54	Chích áp xe tầng sinh môn			x	
1140	13.148	Lấy dị vật âm đạo			x	
1141	13.149	Khâu rách cùng đồ âm đạo			x	
1142	13.150	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1143	13.151	Chích áp xe tuyến Bartholin			x	
1144	13.152	Bóc nang tuyến Bartholin			x	
1145	13.156	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính			x	
1146	13.157	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết			x	
1147	13.158	Nạo hút thai trứng			x	
1148	13.159	Dẫn lưu cùng đồ Douglas			x	
1149	13.161	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ			x	
1150	13.163	Chích áp xe vú			x	
1151	13.165	Khám phụ khoa			x	x
1152	13.166	Soi cổ tử cung			x	x
1153	13.167	Làm thuốc âm đạo			x	x
1154	13.193	Rửa dạ dày sơ sinh			x	
1155	13.194	Ép tim ngoài lồng ngực			x	
1156	13.196	Khám sơ sinh			x	x
1157	13.197	Chăm sóc rốn sơ sinh			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1158	13.198	Tắm sơ sinh			X	X
1159	13.199	Đặt sonde hậu môn sơ sinh			X	X
1160	13.200	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh			X	X
1161	13.201	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh			X	X
1162	13.202	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh			X	X
1163	13.228	Đặt và tháo dụng cụ tử cung			X	X
1164	13.239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần			X	
1165	13.241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không			X	X
XI. MẮT						
1166	14.112	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi			X	
1167	14.171	Khâu da mi đơn giản			X	
1168	14.200	Lấy dị vật kết mạc			X	X
1169	14.203	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản			X	X
1170	14.205	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu			X	X
1171	14.207	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1172	14.208	Thay băng vô khuẩn			X	X
1173	14.209	Tra thuốc nhỏ mắt			X	X
1174	14.212	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu			X	X
1175	14.223	Khám lâm sàng mắt			X	X
1176	14.288	Test lấy bì			X	X
1177	14.289	Test nội bì			X	X
1178	14.290	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt			X	X
1179	14.291	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch			X	X
1180	14.260	Đo thị lực			X	X
XII. TAI - MŨI - HỌNG						
1181	15.51	Khâu vết rách vành tai			X	
1182	15.54	Lấy dị vật tai (gây mê/ gây tê)			X	
1183	15.56	Chọc hút dịch vành tai			X	X
1184	15.57	Chích nhọt ống tai ngoài			X	X
1185	15.58	Làm thuốc tai			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1186	15.59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài			x	x
1187	15.141	Nhét bắc mũi trước			x	
1188	15.143	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê			x	
1189	15.146	Rút meche, rút merocel hốc mũi			x	x
1190	15.147	Hút rửa mũi, xoang sau mũi			x	x
1191	15.206	Chích áp xe sàn miệng			x	
1192	15.212	Lấy dị vật họng miệng			x	x
1193	15.221	Sơ cứu bỏng đường hô hấp			x	x
1194	15.222	Khí dung mũi họng			x	x
1195	15.301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ			x	x
1196	15.302	Cắt chỉ sau phẫu thuật			x	x
1197	15.303	Thay băng vết mổ			x	x
1198	15.304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ			x	x
1199	15.321	Nắn chỉnh hình tháp mũi sau chấn thương		x		
1200	15.368	Trích áp xe vùng đầu cổ			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
XIII. RĂNG - HÀM - MẶT						
1201	16.41.	Điều trị viêm quanh răng			X	
1202	16.42.	Chích áp xe lợi			X	X
1203	16.43.	Lấy cao răng			X	X
1204	16.57.	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi			X	
1205	16.68.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite			X	
1206	16.69.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam			X	X
1207	16.70.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement			X	X
1208	16.71.	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement			X	
1209	16.72.	Phục hồi cổ răng bằng Composite			X	
1210	16.137.	Tháo cầu răng giả			X	
1211	16.138.	Tháo chụp răng giả			X	
1212	16.203.	Nhổ răng vĩnh viễn			X	
1213	16.204.	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay			X	
1214	16.205.	Nhổ chân răng vĩnh viễn			X	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1215	16.206.	Nhổ răng thừa			x	
1216	16.213.	Cắt lợi xơ cho răng mọc			x	
1217	16.223.	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp			x	
1218	16.224.	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp			x	
1219	16.225.	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant			x	
1220	16.230.	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục			x	
1221	16.231.	Lấy tủy buồng răng sữa			x	
1222	16.232.	Điều trị tủy răng sữa			x	
1223	16.233.	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit			x	
1224	16.234.	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA			x	
1225	16.235.	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam			x	x
1226	16.238.	Nhổ răng sữa			x	x
1227	16.239.	Nhổ chân răng sữa			x	x
1228	16.240.	Chích Apxe lợi trẻ em			x	x
1229	16.241.	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1230	16.296.	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức			x	
1231	16.298.	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm			x	
1232	16.300.	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt			x	
1233	16.301.	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt			x	x
1234	16.340.	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp			x	
XIV. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG						
1235	17.7	Điều trị bằng các dòng điện xung			x	
1236	17.8	Điều trị bằng siêu âm			x	
1237	17.11	Điều trị bằng tia hồng ngoại			x	x
1238	17.14	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ			x	x
1239	17.15	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân			x	x
1240	17.16	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)			x	x
1241	17.17	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)			x	x
1242	17.18	Điều trị bằng Parafin			x	x
1243	17.26	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1244	17.31	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người			X	X
1245	17.32	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy			X	X
1246	17.33	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người			X	X
1247	17.34	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người			X	X
1248	17.35	Tập lăn trở khi nằm			X	X
1249	17.36	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi			X	X
1250	17.37	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động			X	X
1251	17.38	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng			X	X
1252	17.39	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động			X	X
1253	17.40	Tập dáng đi			X	X
1254	17.41	Tập đi với thanh song song			X	X
1255	17.42	Tập đi với khung tập đi			X	X
1256	17.43	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)			X	X
1257	17.44	Tập đi với gậy			X	X
1258	17.45	Tập đi với bàn xương cá			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1259	17.46	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)			x	x
1260	17.47	Tập lên, xuống cầu thang			x	x
1261	17.48	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)			x	x
1262	17.49	Tập đi với chân giả trên gối			x	x
1263	17.50	Tập đi với chân giả dưới gối			x	x
1264	17.51	Tập đi với khung treo			x	x
1265	17.52	Tập vận động thụ động			x	x
1266	17.53	Tập vận động có trợ giúp			x	x
1267	17.54	Tập vận động chủ động			x	x
1268	17.55	Tập vận động tự do tứ chi			x	x
1269	17.56	Tập vận động có kháng trở			x	x
1270	17.57	Tập kéo dẫn			x	x
1271	17.58	Tập vận động trên bóng			x	
1272	17.59	Tập trong bồn bóng nhỏ			x	
1273	17.60	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1274	17.61	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới			x	
1275	17.62	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng			x	
1276	17.63	Tập với thang tường			x	x
1277	17.64	Tập với giàn treo các chi			x	
1278	17.65	Tập với ròng rọc			x	x
1279	17.66	Tập với dụng cụ quay khớp vai			x	x
1280	17.67	Tập với dụng cụ chèo thuyền			x	x
1281	17.68	Tập thẳng bằng với bàn tập bệnh			x	x
1282	17.69	Tập với máy tập thẳng bằng			x	x
1283	17.70	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi			x	x
1284	17.71	Tập với xe đạp tập			x	x
1285	17.72	Tập với bàn nghiêng			x	x
1286	17.73	Tập các kiểu thở			x	x
1287	17.74	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer...)			x	x
1288	17.75	Tập ho có trợ giúp			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1289	17.76	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực			X	X
1290	17.77	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế			X	X
1291	17.82	Kỹ thuật ức chế co cứng tay			X	X
1292	17.83	Kỹ thuật ức chế co cứng chân			X	X
1293	17.84	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình			X	X
1294	17.85	Kỹ thuật xoa bóp vùng			X	X
1295	17.86	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân			X	
1296	17.87	Kỹ thuật Frenkel			X	X
1297	17.88	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý			X	X
1298	17.89	Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình			X	X
1299	17.90	Tập điều hợp vận động			X	X
1300	17.91	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)			X	X
1301	17.92	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn			X	X
1302	17.93	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn			X	X
1303	17.94	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1304	17.95	Tập các vận động thô của bàn tay			x	x
1305	17.96	Tập các vận động khéo léo của bàn tay			x	x
1306	17.97	Tập phối hợp hai tay			x	x
1307	17.98	Tập phối hợp tay mắt			x	x
1308	17.99	Tập phối hợp tay miệng			x	x
1309	17.100	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)			x	x
1310	17.101	Tập điều hòa cảm giác			x	x
1311	17.102	Tập tri giác và nhận thức			x	x
1312	17.103	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi			x	x
1313	17.104	Tập nuốt			x	x
1314	17.105	Tập nói			x	x
1315	17.106	Tập nhai			x	x
1316	17.107	Tập phát âm			x	x
1317	17.108	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)			x	x
1318	17.109	Tập cho người thất ngôn			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1319	17.110	Tập luyện giọng			X	X
1320	17.111	Tập sửa lỗi phát âm			X	X
1321	17.112	Lượng giá chức năng người khuyết tật			X	X
1322	17.113	Lượng giá chức năng tim mạch			X	X
1323	17.114	Lượng giá chức năng hô hấp			X	X
1324	17.115	Lượng giá chức năng tâm lý			X	X
1325	17.116	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức			X	X
1326	17.117	Lượng giá chức năng ngôn ngữ			X	X
1327	17.118	Lượng giá chức năng dáng đi			X	X
1328	17.119	Lượng giá chức năng thăng bằng			X	X
1329	17.120	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày			X	X
1330	17.122	Thử cơ bằng tay			X	
1331	17.123	Đo tầm vận động khớp			X	X
1332	17.127	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi			X	X
1333	17.133	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tùy sống			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1334	17.137	Kỹ thuật băng nẹp bảo vệ bàn tay chức năng (<i>trong liệt tứ chi</i>)			X	X
1335	17.139	Kỹ thuật băng chun mồm cắt chi trên			X	X
1336	17.140	Kỹ thuật băng chun mồm cắt chi dưới			X	X
1337	17.141	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu			X	X
1338	17.142	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu			X	X
1339	17.143	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)			X	X
1340	17.144	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng			X	X
1341	17.145	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối			X	X
1342	17.146	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối			X	X
1343	17.147	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực- thắt lưng TLSO (<i>điều trị cong vẹo cột sống</i>)			X	X
1344	17.148	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO (<i>điều trị cong vẹo cột sống</i>)			X	X
1345	17.149	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO			X	X
1346	17.150	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO			X	X
1347	17.151	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO			X	X
1348	17.152	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1349	17.153	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO			X	X
1350	17.154	Kỹ thuật sử dụng giày dép cho người bệnh phong			X	X
1351	17.155	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng			X	X
1352	17.156	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm			X	X
1353	17.158	Điều trị bằng điện vi dòng			X	X
1354	17.161.	Điều trị chườm ngải cứu			X	X
1355	17.162.	Thủy trị liệu có thuốc			X	X
1356	17.163	Thủy trị liệu cho người bệnh sau bỏng			X	X
1357	17.167.	Tập vận động cột sống			X	
1358	17.168	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy			X	X
1359	17.169.	Kỹ thuật xoa bóp dẫn lưu			X	X
1360	17.170.	Kỹ thuật kiểm soát tư thế (ngồi, bò, đứng, đi)			X	X
1361	17.171.	Kỹ thuật tạo thuận vận động cho trẻ (lấy, ngồi, bò, đứng, đi)			X	X
1362	17.172	Tập dưỡng sinh			X	X
1363	17.176.	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ xơ hóa cơ			X	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1364	17.177.	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, ưỡn)			X	X
1365	17.178	Kỹ thuật hỗ trợ tăng tốc thì thở ra ở trẻ nhỏ			X	X
1366	17.183	Kỹ thuật tập sức bền không có gắn máy theo dõi tim mạch			X	X
1367	17.184	Kỹ thuật thư dẫn			X	X
1368	17.185	Kỹ thuật tập sức mạnh cơ bằng phản hồi sinh học (Biofeedback)			X	X
1369	17.191	Kỹ thuật kích thích giao tiếp sớm cho trẻ nhỏ			X	X
1370	17.192	Kỹ thuật dạy trẻ hiểu và diễn tả bằng ngôn ngữ			X	X
1371	17.193	Kỹ thuật vận động môi miệng chuẩn bị cho trẻ tập nói			X	X
1372	17.194	Kỹ thuật kiểm soát cơ hàm mặt và hoạt động nhai, nuốt			X	X
1373	17.197	Lượng giá kỹ năng ngôn ngữ-giao tiếp ở trẻ em			X	X
1374	17.198	Lượng giá kỹ năng vận động tinh và kỹ năng sinh hoạt hàng ngày ở trẻ em			X	X
1375	17.199	Lượng giá trẻ tự kỷ theo tiêu chuẩn DSM-IV			X	X
1376	17.204	Lượng giá mức độ co cứng bằng thang điểm Ashworth (MAS)			X	X
1377	17.208	Nghiệm pháp đi 6 phút			X	X
1378	17.209	Nghiệm pháp vận động toàn bộ Rickili			X	X

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1379	17.210	Nghiệm pháp Tinetti			x	x
1380	17.211	Nghiệm pháp đo thời gian đứng dậy và đi			x	x
1381	17.212	Nghiệm pháp dừng bước khi vừa đi vừa nói			x	x
1382	17.219	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ I, độ II			x	x
1383	17.231	Kỹ thuật sử dụng giày, nẹp chỉnh hình điều trị bệnh lý bàn chân của người bệnh đái tháo đường (tiểu đường)			x	x
1384	17.232	Kỹ thuật sử dụng nẹp chỉnh hình tư thế cổ cho bệnh nhân sau bỏng			x	x
1385	17.250	Tập do cứng khớp			x	x
1386	17.251.	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp			x	x
1387	17.252	Xoa bóp áp lực hơi			x	x
XV. ĐIỆN QUANG						
1388	18.15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)			x	
1389	18.16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)			x	
1390	18.18	Siêu âm tử cung phần phụ			x	
1391	18.20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)			x	
1392	18.30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1393	18.34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu			X	
1394	18.35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa			X	
1395	18.36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối			X	
1396	18703	Siêu âm tại giường			X	X
XVI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG:					X	X
1397	19.4	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)			X	X
1398	19.13	Nghiệm pháp dây thắt			X	X
1399	19.14	Điện tim thường			X	X
1400	19.93	Đo thị lực			X	X
XVII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU						
1401	22.22	Nghiệm pháp dây thắt			X	X
1402	22.118	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)			X	X
1403	22.120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trừ)			X	
1404	22.138	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)			X	X
1405	22.142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)			X	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1406	22.280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)			x	
1407	22.292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)			x	
1408	22.456	Xét nghiệm nhanh HBsAg trước hiến máu đối với người hiến máu		x		
XVIII. HÓA SINH						
1409	23.3	Định lượng Acid Uric			x	
1410	23.7	Định lượng Albumin			x	
1411	23.10	Đo hoạt độ Amylase			x	
1412	23.19	Đo hoạt độ ALT (GPT)			x	
1413	23.20	Đo hoạt độ AST (GOT)			x	
1414	23.25	Định lượng Bilirubin trực tiếp			x	
1415	23.26	Định lượng Bilirubin gián tiếp			x	
1416	23.27	Định lượng Bilirubin toàn phần			x	
1417	23.29	Định lượng Calci toàn phần			x	
1418	23.41	Định lượng Cholesterol toàn phần			x	
1419	23.42	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)		x		

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1420	23.43	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)		x		
1421	23.51	Định lượng Creatinin			x	
1422	23.58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)			x	
1423	23.75	Định lượng Glucose			x	
1424	23.77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)			x	
1425	23.83	Định lượng HbA1c			x	
1426	23.84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)			x	
1427	23.103	Xét nghiệm Khí máu		x		
1428	23.111	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)		x		
1429	23.112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)			x	
1430	23.133	Định lượng Protein toàn phần			x	
1431	23.147	Định lượng T3 (Tri iodothyronine)		x		
1432	23.148	Định lượng T4 (Thyroxine)		x		
1433	23.158	Định lượng Triglycerid			x	
1434	23.166	Định lượng Urê			x	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1435	23.179	Định tính beta hCG (test nhanh)			X	X
1436	23.187	Định lư-ợng Glucose			X	
1437	23.194	Định tính Morphin (test nhanh)			X	X
1438	23.195	Định tính Codein (test nhanh)			X	X
1439	23.196	Định tính Heroin (test nhanh)			X	X
1440	23.206	Tổng phân tích nư-ớc tiểu (Bằng máy tự động)			X	X
1441	23.208	Định lư-ợng Glucose			X	
1442	23.214	Định lư-ợng Bilirubin toàn phần			X	
1443	23.215	Định lư-ợng Cholesterol toàn phần			X	
1444	23.216	Định lư-ợng Creatinin			X	
1445	23.217	Định lư-ợng Glucose			X	
1446	23.218	Đo hoạt độ LDH		X		
1447	23.219	Định lư-ợng Protein			X	
1448	23.221	Định lư-ợng Triglycerid			X	
1449	23.223	Định lư-ợng Ure			X	

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1450	23.234.	Đường máu mao mạch			x	
1451	23.244.	Phản ứng CRP			x	
XIX. VI SINH						
1452	24.1	Vi khuẩn nhuộm soi			x	x
1453	24.17	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen			x	x
1454	24.73	<i>Helicobacter pylori</i> Ag test nhanh			x	x
1455	24.108	Virus test nhanh			x	x
1456	24.117	HBsAg test nhanh			x	x
1457	24.144	HCV Ab test nhanh			x	x
1458	24.155	HAV Ab test nhanh			x	x
1459	24.163	HEV Ab test nhanh			x	x
1460	24.169	HIV Ab test nhanh			x	x
1461	24.356.	Ký sinh trùng test nhanh			x	x
XXI. TẠO HÌNH - THẨM MỸ						
1462	28.1	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc			x	x

TT	STT THEO TT 43, 21	DANH MỤC KỸ THUẬT THEO TT 43, 21	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT THEO TT 43, 21			
			A	B	C	D
1463	28.2	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán			x	x
1464	28.33	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt			x	x
1465	28.110	Khâu vết thương vùng môi			x	
1466	28.136	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai			x	x
1467	28.137	Khâu cắt lọc vết thương vành tai			x	
1468	28.161	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ			x	x
1469	28.163	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản			x	
Tổng cộng			1	34	1,434	971